

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30-8-2021

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK – TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Phi Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giang và ông Y Đơ Niê

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Công Đức – Thư ký Toà án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Ông Y Gon Niê – Kiểm sát viên.

Ngày 30/8/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 51/2021/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2021 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/7/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST-DS ngày 09/8/2021 và Thông báo về việc chuyển thời gian mở lại phiên tòa số 106/2021/TB-TA ngày 23 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ph, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn 06, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Đoàn Văn T, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn 06, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng bà Trần Thị Ph trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Đoàn Văn T đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 12/3/2004. Sau khi về chung sống, thời gian đầu vợ chồng tôi sống hạnh phúc và có 02 (hai) con chung. Tuy nhiên, đến đầu năm 2021, vợ chồng tôi bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn: Tôi và ông Đoàn Văn T sống không hợp nhau,

không quan tâm và không có sự tôn trọng nhau. Vợ chồng tôi sống ly thân từ tháng 3 năm 2021 cho đến nay. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Đoàn Văn T.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, tôi với ông Đoàn Văn T có 02 (hai) con chung: Cháu Đoàn Thị H, sinh ngày 15/11/2002, hiện nay cháu H trên 18 tuổi và lập gia đình nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Đoàn Văn S, sinh ngày 04/10/2004. Tôi tôn trọng ý kiến của cháu S, trong trường hợp cháu S có nguyện vọng muốn sống cùng với ông Đoàn Văn T, tôi đồng ý giao cháu S cho ông Tuấn chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập các đương sự đến Tòa án lập bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, ông Đoàn Văn T không hợp tác với Tòa án về việc giải quyết vụ án, không có ý kiến trình bày cũng như phản tố đối với yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, căn cứ Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử tại phiên tòa đảm bảo quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Ph lập ngày 07/4/2021, Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Đoàn Văn T có nơi cư trú tại thôn 6, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị Ph có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Đoàn Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét về nội dung:

[2.1] Về quan hệ tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định: Bà Trần Thị Ph và ông Đoàn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M vào ngày 12/3/2004. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc và có hai con chung. Tuy nhiên đến đầu năm 2021 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không quan tâm và chăm sóc lẫn nhau.

Quá trình xác minh, đại diện chính quyền địa phương cung cấp thông tin: Trong quá trình sinh sống, ông Đoàn Văn T và bà Trần Thị Ph thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với nhau, được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Hiện nay bà Trần Thị Ph và ông Đoàn Văn T đã sống ly thân.

Căn cứ kết quả xác minh cũng như ý kiến trình bày đương sự có đủ cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân giữa bà Trần Thị Ph và ông Đoàn Văn T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Trần Thị Ph được ly hôn với ông Đoàn Văn T.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Trần Thị Ph với ông Đoàn Văn T có 02 (hai) con chung: Cháu Đoàn Thị H, sinh ngày 15/11/2002 và cháu Đoàn Văn S, sinh ngày 04/10/2004. Hiện nay cháu Đoàn Thị H trên 18 tuổi và lập gia đình, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đối với cháu Đoàn Văn S, quá trình làm việc cháu S trình bày muốn được ở với ông Đoàn Văn T. Bà Trần Thị Ph đồng ý giao cháu S cho ông T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu S đủ 18 tuổi. Tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*. Tại thời điểm mở phiên tòa cháu Đoàn Văn S 16 (Mười sáu) tuổi 10 (Mười) tháng 16 (Mười sáu) ngày. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Đoàn Văn S cho ông Đoàn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu S đủ 18 tuổi. Bà

Trần Thị Ph được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.4] Về án phí: Bà Trần Thị Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ph.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ph được ly hôn với ông Đoàn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Đoàn Văn S, sinh ngày 04/10/2004 cho ông Đoàn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu S đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Bà Trần Thị Ph phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số 60AA/2021/0005038 ngày 09 tháng 4 năm 2021.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7,

7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M’Đrắk;
- Chi cục THADS huyện M’Đrắk;
- UBND xã Cư Króa, huyện M’Đrắk;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

(Đã ký)

Nguyễn Phi Long

